

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 674/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Nguyễn Thị Quỳnh M, sinh năm: 1991; nơi cư trú: 49/7/3 đường P, phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và anh Đặng Ngọc Th, sinh năm: 1984; nơi cư trú: 109/2 Ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quỳnh M và anh Đặng Ngọc Th kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 10, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, do công việc nên mỗi người sống mỗi nơi, chị M ở thành phố Đ còn anh Th làm việc ở thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng ít khi sông chung, khoảng 3-4 tháng thì anh Th mới về thành phố Đ với vợ con một lần. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chị M, anh Th có những bất đồng về quan điểm, lối sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, dù vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng vẫn không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn mà mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đều yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị M, anh Th. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị M, anh Th là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên công nhận.

[2] Về con chung: Hai bên xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Đặng Ngọc Khánh B, sinh ngày 17/10/2019. Chị M, anh Th thỏa thuận và yêu cầu Tòa án công nhận: chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Anh Th cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12/2022 cho đến khi

con đủ tuổi thành niên. Xét yêu cầu công nhận thoả thuận việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con của chị M, anh Th là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, đảm bảo quyền và lợi ích của con nên công nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác định không có nên không đề cập.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị M, anh Th thoả thuận chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định. Chị M thoả thuận chịu số tiền 300.000 đồng lệ phí cấp dưỡng nuôi con thay anh Th. Xét sự thoả thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quỳnh M và anh Đặng Ngọc Th thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Quỳnh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đặng Ngọc Khánh B, sinh ngày 17/10/2019 cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

Anh Đặng Ngọc Th cấp dưỡng nuôi con Đặng Ngọc Khánh B số tiền 3.000.000 (*ba triệu*) đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12/2022 cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác định không có.

1.4. Về lệ phí Tòa án:

Chị M, anh Th thoả thuận chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm (được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ

phí chị M, anh Th đã nộp theo biên lai thu số 0002362 ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng).

Chị M thỏa thuận chịu số tiền 300.000 đồng lệ phí cấp dưỡng nuôi con thay anh Th.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP Đà Lạt;
- UBND Phường I, TP Đ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Lệ Quyên